TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 THANH HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 180/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 27 tháng 07 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 180/2026/ TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc : " ***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*** " giữa: Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1988
CCCD số: 002188005228
Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa
Bị đơn: Anh Trương Văn M sinh năm 1990
CCCD số: 038090032861
Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa
Hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện số 1-Thanh Hoá

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điều 212 và 213; khoản 3 điều 144; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 55; 81;82;83;84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

-Căn cứ khoản 1 điều 6; khoản 7 điều 26 ; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 /UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội; mục 1.1 (phần án phí Dân sự) danh mục về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2017.

-Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1988
CCCD số: 002188005228
Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa
Bị đơn: Anh Trương Văn M sinh năm 1990

CCCD số: 038090032861
Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa
Hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện số 1-Thanh Hoá

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trương Văn M.

- Phần con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Thành L (Nam) sinh ngày 18/10/2024. Hai bên thống nhất giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Trương Văn M đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Anh Trương Văn M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

-Về tài sản và công nợ : Các đương không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về án phí: Án phí DSST chị Nguyễn Thị T phải nộp 75.000đ; anh Trương Văn M phải nộp: 75.000đ. Hai bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị T nộp toàn bộ số tiền án phí Ly hôn sơ thẩm mà hai người phải nộp. Chuyển tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại phòng thi hành án dân sự khu vực 6-Thanh Hoá theo biên lai thu số 0003912 ngày 19 tháng 5 năm 2026 sang phần án phí dân sự mà hai người phải nộp. Như vậy, các đương sự đã thi hành xong về phần án phí .

-Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền án phí còn lại là 150.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền án phí chị T và anh M phải nộp.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKS khu vực 6-TH
-Các đương sự
-Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá
-UBND xã Hoạt Giang, tỉnh Thanh Hoá
-Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Tạ Thị Hương